

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU SILICAT

CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT HÓA HỌC

1. Tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh

Tuyển sinh được thực hiện bằng hình thức thi tuyển với ba môn thi là toán cao cấp, tiếng Anh và Hóa lý kỹ thuật.

Đối tượng tuyển sinh *Thạc sĩ khoa học và Thạc sĩ kỹ thuật* được quy định cụ thể như sau:

1.1. Về văn bằng:

- Đối tượng A: Đã tốt nghiệp hệ kỹ sư Kỹ thuật Hóa học, chuyên sâu Công nghệ vật liệu Silicat Đại học Bách khoa Hà Nội.

- Đối tượng B: Đã tốt nghiệp hệ cử nhân hoặc kỹ sư (nhưng không thuộc chuyên sâu Công nghệ vật liệu Silicat) Đại học Bách khoa Hà Nội, đã tốt nghiệp hệ cử nhân hoặc kỹ sư Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Xây dựng Hà Nội, Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Kiến trúc Hà Nội và các Trường đại học kỹ thuật khối công lập ngành kỹ thuật hóa học, ngành vật liệu.

1.2. Về thâm niên công tác: không yêu cầu

2. Thời gian khóa đào tạo

- Đào tạo theo học chế tín chỉ
- Khóa đào tạo chuẩn được thiết kế là 2 năm (4 học kỳ chính)
- Thời gian đào tạo thực tế có thể thay đổi tùy theo số tín chỉ cần bổ sung và/hoặc số tín chỉ được miễn đối với mỗi đối tượng học viên.

3. Bổ sung kiến thức

Người tốt nghiệp đại học chuyên ngành gần (đối tượng B) phải học bổ sung tối đa 10 tín chỉ.

Danh mục các học phần bổ sung trong bảng 1 và danh mục các đối tượng và học phần phải học bổ sung cụ thể trong bảng 2.

Bảng 1: Danh mục học phần bổ sung

TT	Tên học phần	Mã số	Thời lượng	Ghi chú
1	Quá trình và thiết bị CNHH	CH3403	4(4-1-0-8)	
2	Phương pháp số trong CNHH	CH3454	2(2-0-1-4)	
3	Mô phỏng trong CNHH	CH3452	3(2-0-2-6)	
4	Các phần mềm mô phỏng ứng dụng	EE4320	2(2-0-0-4)	
5	Xác suất thống kê và QHTN	MI3180	3(2-1-1-6)	
6	Các phương pháp phân tích bằng công cụ	CH3322	2(2-1-0-4)	

Bảng 2: Danh mục đối tượng phải học bổ sung

TT	Cơ sở đào tạo đại học, chương trình/chuyên ngành đào tạo	Số TC bổ sung	Các HP bổ sung cụ thể	Ghi chú
----	--	---------------	-----------------------	---------

	mà đối tượng tuyển sinh đã tốt nghiệp		(thuộc bảng 1)	
1	Đối tượng A	0	0	
2	Đối tượng B	0 đến 10	-	Xét cụ thể, tối đa 10TC

* Bộ môn và Viện chuyên ngành quyết định các học phần bổ sung.

4. Miễn học phần

Đối tượng A được miễn 22 tín chỉ (thuộc phần kiến thức chung và kiến thức cơ sở)

Đối tượng B sẽ miễn từ 0 tới 22 tín chỉ (thuộc phần kiến thức chung và kiến thức cơ sở) trên cơ sở miễn các học phần đã học ở bậc đại học và trùng hoặc tương đương với các học phần thuộc phần kiến thức chung và kiến thức cơ sở (việc miễn này sẽ do Hội đồng đào tạo Viện Kỹ thuật hóa học và Bộ môn Công nghệ vật liệu Silicat xem xét cụ thể từng trường hợp trong quá trình tuyển sinh)

Danh mục các học phần xét miễn học trong bảng 3 và danh mục các đối tượng và học phần được xét miễn cụ thể trong bảng 4.

Bảng 3: Danh mục học phần xét miễn học

TT	Tên học phần	Mã số	Thời lượng	Ghi chú
1	Hoá lý Silicat 2	CH5361	2(2-1-0-4)	
2	Thiết bị nhà máy silicat 2	CH5351	2(2-1-0-4)	
3	Lò công nghiệp Silicat 2	CH5362	2(2-1-0-4)	
4	Khoáng vật học Silicat	CH4195	2 (2-1-0-4)	
5	Công nghệ các chất kết dính vô cơ	CH5352	3 (3-1-0-6)	
6	Công nghệ gốm sứ	CH5353	3 (3-1-0-6)	
7	Công nghệ thủy tinh	CH5354	3 (3-1-0-6)	
8	Công nghệ vật liệu chịu lửa	CH5355	3 (3-1-0-6)	
9	Thí nghiệm cơ sở chuyên ngành Silicat	CH4193	2 (0-0-4-4)	

Bảng 2: Danh mục đối tượng được xét miễn học phần

TT	Cơ sở đào tạo đại học và chương trình/chuyên ngành đào tạo mà đối tượng tuyển sinh đã tốt nghiệp	Số TC được miễn	Các HP được miễn cụ thể (thuộc bảng 3)	Ghi chú
1	Đối tượng A	22	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
2	Đối tượng B	0 đến 22		Xét cụ thể từng trường hợp